

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2025.

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M – TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hải Hằng**

- *Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Bá Truyền**

2/ Ông **Sơn Mút**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Cao Võ Thanh Sang** – là Thư ký Tòa án thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 251/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Hoàng Thị Minh Q**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp B, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long;

(Chị Q có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai ngày 19/8/2024, bản khai ngày 09/01/2025 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Hoàng Thị Minh Q trình bày:

Chị và anh N quen biết nhau từ năm 2018 và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên anh chị tiến hành kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới (không có nữ trang cưới), có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới vợ chồng chị đi làm công nhân và tạm trú tại tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên đã ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay. Tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N. Về con chung: Chị và anh N có 01 người con chung là Nguyễn Lê Trọng Nh, sinh ngày 27/10/2019 hiện con đang sống cùng gia đình bên ngoại. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thanh N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh N không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Lê Hoàng Thị Minh Q trình bày: Vợ chồng chị kết hôn và sống chung với gia đình chồng một thời gian thì chị về bên cha mẹ ruột ở huyện B sinh sống để thuận tiện cho việc đi làm, còn anh N đi làm xa và sống bên cha mẹ ruột tại xã A, thị xã M. Anh N không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân với nhau từ cuối năm 2022 đến nay. Chị không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu được ly hôn với anh N. Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung là cháu Nguyễn Lê Trọng Nh, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Thanh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã M phát biểu ý kiến:

Tòa án thụ lý vụ án và xét xử đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Hoàng Thị Minh Q. Chấp nhận cho chị Lê Hoàng Thị Minh Q được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N. Chấp nhận cho chị Q được quyền nuôi cháu Nguyễn Lê Trọng Nh. Anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thanh N đã được Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập lần 1, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, anh N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh N quen biết, tìm hiểu và kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp.

Chị Q và anh N chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải nên đã ly thân với nhau từ 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị Q về quê ngoại sống, còn anh N sống bên cha mẹ ruột, anh chị mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chị Q khẳng định không còn tình cảm với anh N nên cương quyết ly hôn với anh N.

Đối với anh N, quá trình giải quyết vụ án, anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt chứng tỏ anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không thể hiện thiện chí và mong muốn đoàn tụ. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng chị Q và anh N không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Q và anh N có 01 người con chung là Nguyễn Lê Trọng Nh, sinh ngày 27/10/2019 hiện cháu Nh đang sống cùng chị Q bên gia đình ngoại. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Từ khi chị Q và anh N sống xa nhau, cháu Nh sống chung với chị Q cho đến nay, cuộc sống ổn định. Đối với anh N đã nhận được các văn bản của Tòa án thông báo về yêu cầu nuôi con của chị Q nhưng anh N không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con của chị Q. Do đó, để đảm bảo cuộc sống và môi trường học tập của cháu Nh được ổn định, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện ngày 19/8/2024 chị Q yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu Nh mỗi tháng 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nh tròn 18 tuổi. Tại bản khai ý kiến ngày 09/01/2025 và tại phiên tòa hôm nay, chị Q xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị Q và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Q phải chịu nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào điều 9, 19, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014; Các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Hoàng Thị Minh Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Hoàng Thị Minh Q được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

- Về con chung: Chấp nhận cho chị Lê Hoàng Thị Minh Q được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Lê Trọng Nh, sinh ngày 27/10/2019. Anh N chưa phải

cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Q phải nộp 300.000đ được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012915 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M. Chị Q đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX.M;
- Chi cục THADS TX.M;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Hải Hằng